

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 3 - 2021

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Minh Tiếp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Chung

2. Bà Trần Thị Lệ Hiếu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp 12, xã Vị Trung, huyện VT, tỉnh HG (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Ấp 7, xã Xà Phiên, huyện L, tỉnh HG (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 1987. Đến năm 1994 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang), được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/10/1994. Bà với ông Đ sống chung hạnh phúc năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Trần Thị

Ngọc T trình bày: là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà T và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay bà Trần Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống có 04 con chung là cháu Nguyễn Thành L (giới tính: nam) sinh ngày 15/6/1988, cháu Nguyễn Thành L (giới tính: nam) sinh ngày 25/9/1989, cháu Nguyễn Thị Mộng L (giới tính: nữ) sinh ngày 21/8/1992 và cháu Nguyễn Thành L (giới tính: nam) sinh ngày 21/7/1998, hiện các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhiều lần nhưng bị đơn Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án căn cứ 227, Điều 228 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Văn Đ theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, chị không còn tình cảm vợ chồng đối với ông Đ và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công

việc của gia đình. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa bà T và ông Đ thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được là do bất đồng quan điểm sống nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay.

Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng bà T và ông Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T và ông Đ được ly hôn.

[4] Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 19, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc T đối với ông Nguyễn Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001968 ngày 09/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/3/2021). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi bị đơn cư trú.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Minh Tiếp**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Chung    Trần Thị Lệ Hiếu**

**Châu Minh Tiếp**

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND Xà Phiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Minh Tiếp**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã Vĩnh Thuận Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Minh Tiếp**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Anh   Nguyễn Quốc Khương**

**Châu Minh Tiếp**







## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

.....

.....

**Châu Minh Tiếp**